

Bản án số: 748/2024/HC-PT
Ngày 22 tháng 7 năm 2024
“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai
về việc thu hồi đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 946/2023/TLPT-HC ngày 24 tháng 11 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2023/HC-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2008/2024/QĐPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1959 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 89 An Sơn, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị C: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 351 hẻm Ngô Tất Tố, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 16/01/2024 tại Văn phòng công chứng Trương Anh) – Vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị C: Luật sư Nguyễn Thị Hạnh và luật sư Đỗ Quốc Anh, Văn phòng luật sư Thành Phát thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

Địa chỉ: Số 05 Trần Nhân Tông, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt: Ông Võ Ngọc T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt (Văn bản ủy quyền số 7441/UBND ngày 09/11/2022) – Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt: Ông Bùi Bá T¹, Phó trưởng phòng - Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Lạt – Có mặt;

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

Địa chỉ: Số 04 Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Nguyễn Ngọc P, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền số 7774/UBND-TD ngày 06/9/2023) – Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1954 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 34/5 Ngô Tất Tố, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

3.2. Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1963 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 146 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

3.3. Ông Nguyễn Ngọc T², sinh năm 1967 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 17 Trần Khánh Dư, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

3.4. Ông Nguyễn Ngọc T³, sinh năm 1969 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 34/5 Ngô Tất Tố, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

3.5. Ông Nguyễn Ngọc T⁴, sinh năm 1971 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 79 Nguyễn Công Trứ, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

3.6. Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1980 – Vắng mặt;

3.7. Ông Nguyễn Ngọc T⁵, sinh năm 1984 – Vắng mặt;

Cùng trú: Tổ 89 An Sơn, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

3.8. Bà Nguyễn Thị Ngọc C¹, sinh năm 1981 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 23/3/4 Thông Thiên Học, Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

4. *Người kháng cáo:*

4.1. Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt.

4.2. Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/10/2022, bổ sung ngày 31/3/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Lê Thị C trình bày:

Diện tích 1.639,1 m² (gồm 300 m² đất ở và 1.339,1 m²) đất nông nghiệp, thuộc các thửa đất số 652, 686, 688 và một phần Thửa đất số 689, tờ bản đồ số 5, thành phố Đà Lạt là của bố mẹ chồng tặng cho chồng của bà (ông Nguyễn Ngọc T⁶) theo Biên bản hợp gia tộc ngày 25/12/2005 có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Đà Lạt vào ngày 28/12/2005.

Thực hiện Dự án xây dựng Khu dân cư số 5, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 (viết tắt Quyết định số 3605) thu hồi diện tích đất nêu trên; Quyết định số 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 (viết tắt Quyết định số 4227) phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định số 4250/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 (viết tắt Quyết định số 4250) phê duyệt bố trí 01 nền tái định cư lô đất biệt lập và 01 lô đất liên kế.

Các quyết định nêu trên chỉ bồi thường cho gia đình bà 1.428.019.000 đồng theo giá đất quá thấp không phù hợp thực tế; không giải quyết chuyển đổi nghề nghiệp hoặc bố trí đất để tái sản xuất là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Diện tích đất thu hồi của gia đình bà được giao cho Công ty Hợp Phú xây dựng Khu Dân cư số 5 có mục đích kinh doanh, nên việc bố trí 01 nền tái định cư lô đất biệt lập và 01 lô đất liên kế mà không bố trí nền tái định cư tại chỗ, là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ “*Ưu tiên tái định cư tại chỗ cho người bị thu hồi đất tại nơi có dự án tái định cư, ưu tiên vị trí thuận lợi... hộ có vị trí thuận lợi tại nơi ở cũ...*”. Mặt khác, khi đo đạc để thu hồi diện tích đất của bà còn thiếu rất

hiều so với thực tế sử dụng, nên bà chưa đồng ý nhận tiền bồi thường và chưa đồng ý bàn giao đất.

Bà khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 (viết tắt Quyết định số 4143) không chấp nhận đơn khiếu nại của bà, bà tiếp tục khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 (viết tắt Quyết định số 139) giữ nguyên Quyết định số 4143. Vì vậy, ngày 17/10/2022, bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định gồm: Quyết định số 139, Quyết định số 4143, Quyết định số 3605, Quyết định số 4277 và một phần Quyết định số 4250; đồng thời buộc ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt bồi thường đủ diện tích thực tế, bồi thường theo giá đất phù hợp thực tế hiện nay, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp hoặc bố trí đất tái sản xuất và bố trí tái định cư tại chỗ cho gia đình bà.

Tại Văn bản ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người bị kiện, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt trình bày:

Dự án Khu dân cư số 5, Phường 4, thành phố Đà Lạt được Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng chấp thuận phạm vi ranh giới theo Quyết định số 2695/QĐ-UBND ngày 18/4/2008. Xét Tờ trình số 868/TTr-TNMT ngày 28/9/2010 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt đã ban hành Quyết định số 3605 về thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân, trong đó có thu hồi của gia đình ông Nguyễn Ngọc T⁶ (chồng bà Lê Thị C) diện tích 1.639,1 m² đất ở và đất nông nghiệp.

Căn cứ Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/10/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và xét Tờ trình số 1014/TTr-TNMT ngày 03/11/2010 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt đã ban hành Quyết định số 4227 phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân, trong đó gia đình ông Nguyễn Ngọc T⁶ được bồi thường, hỗ trợ tổng cộng 1.428.019.000 đồng (gồm: 300 m² đất ở, 1.339,1 m² đất nông nghiệp; tiền hỗ trợ 70% đơn giá đất ở đối với 981,4 m² đất nông nghiệp cùng với thửa đất có nhà ở bị thu hồi và tiền hỗ trợ 50% đơn giá đất ở đối với 357,7 m² đất nông nghiệp không cùng với thửa đất có nhà ở bị thu hồi) và tiền cây trồng, vật kiến trúc có trên đất thu hồi và các khoản hỗ trợ khác.

Căn cứ Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/10/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu Dân cư số 5, Văn bản số 6290/UBND-NC ngày 21/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án Khu dân cư số 5, Tờ trình số 1254/TTr-TNMT ngày 08/11/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, Tờ trình số 435/TTr-TTPTQĐ ngày 12/10/2017 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt đã ban hành Quyết định số 4250 phê duyệt danh sách bố trí tái định cư do thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân, trong đó gia đình ông Nguyễn Ngọc T⁶ được bố trí tái định cư 01 lô đất liên kế và 01 lô đất biệt lập.

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt có Thông báo số 239/TB-UBND ngày 10/5/2021 thụ lý đơn khiếu nại của bà Lê Thị C, ban hành Quyết định số 1598/QĐ-UBND-KN ngày 10/5/2021 giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tiến hành xác minh, làm rõ và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố có Báo cáo số 848/BC-TNMT ngày 03/8/2021. Ngày 05/10/2021 Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức đối thoại với bà C (ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc D) và ban hành Quyết định số 4143.

Dự án Khu dân cư số 5 – An Sơn, Phường 4, thành phố Đà Lạt thuộc quy hoạch tại Quyết định số 409/2002/QĐ-TTg ngày 27/5/2002 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Quyết định số 2695/QĐ-UBND ngày 18/4/2008 chấp thuận phạm vi ranh giới của Dự án, nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Đất đai năm 2003; điểm đ khoản 1 Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ và khoản 2 Điều 34 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Hộ bà C bị thu hồi 300 m² đất ở và 1.339,1 m² đất nông nghiệp (lớn hơn 1.000 m²) nên được bố trí 01 lô biệt lập tại khu vực tái định cư của Khu dân cư số 5 theo Quyết định số 4250. Theo Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 09/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 thì khu vực đất của bà C bị thu hồi được quy hoạch là Khu đất biệt thự kinh doanh, không phải là khu đất tái định cư, còn khu đất tái định cư để bố trí cho tất cả các hộ dân thuộc trường hợp tái định cư thì nằm ở vị trí khác của Khu dân cư số 5, nên bà C yêu cầu tái định cư tại chỗ là không phù hợp. Do trên địa bàn thành phố Đà Lạt không có quỹ đất nông nghiệp để giao tái sản xuất, nên tại Quyết định số 4731/QĐ-UBND ngày 16/12/2010 và Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15/8/2011 đã bồi thường 1.339,1 m² đất nông nghiệp của bà C bằng 100% giá trị đất nông nghiệp, đúng theo khoản 2 Điều 5 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hộ bà C không thuộc trường hợp được xem xét, hỗ

trợ theo quy định tại Điều 31 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở (Ủy ban nhân dân thành phố đã tính toán hỗ trợ 70% đơn giá đất ở đối với 981,4 m² đất nông nghiệp cùng với thửa đất có nhà ở bị thu hồi và tiền hỗ trợ 50% đơn giá đất ở đối với 357,7 m² đất nông nghiệp không cùng với thửa đất có nhà ở bị thu hồi), nên bà C không thuộc trường hợp được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm theo Điều 32 Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C.

Trong Văn bản và lời trình bày tiếp theo của người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng trình bày:

Dự án khu dân cư số 5 – An Sơn là dự án quy hoạch theo Quyết định số 409/2002/QĐ-TTg ngày 27/5/2002 của Chính phủ nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Đất đai năm 2003; điểm đ khoản 1 Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ và khoản 2 Điều 34 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Do đó, việc bà C yêu cầu được thỏa thuận bồi thường với chủ đầu tư là không có cơ sở giải quyết, nên Quyết định số 4227 là đúng quy định của pháp luật.

Theo Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 thì khu vực đất của bà C bị thu hồi được quy hoạch là Khu đất biệt thự kinh doanh, không phải là khu đất tái định cư, còn khu đất tái định cư để bố trí cho tất cả các hộ dân thuộc trường hợp tái định cư thì nằm ở vị trí khác của Khu dân cư số 5, nên bà C yêu cầu tái định cư tại chỗ là không phù hợp.

Do trên địa bàn thành phố Đà Lạt không có quỹ đất nông nghiệp để giao tái sản xuất, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt đã bồi thường đúng quy định tại khoản 2 Điều 5 và Điều 31 Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh nên hộ bà C không thuộc trường hợp được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm theo quy định tại Điều 32 Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã căn cứ vào Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của

Chính phủ đề ban hành Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 không chấp nhận khiếu nại của bà Lê Thị C, là đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Ngọc T², Nguyễn Ngọc T³, Nguyễn Ngọc T⁴, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Ngọc T⁵, Nguyễn Thị Ngọc C¹ đều trình bày: Thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2023/HC-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điều 116; khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; Điều 191; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206; Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Khiếu nại; Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai”.

- Hủy Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết đơn của bà Lê Thị C (lần hai);

- Hủy Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt về việc giải quyết đơn của bà Lê Thị C (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Ngọc T⁶;

- Hủy một phần Quyết định số 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với ông Nguyễn Ngọc T⁶;

- Hủy một phần Quyết định số 4250/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt về việc phê duyệt bố trí tái định cư đối với ông Nguyễn Ngọc T⁶ (bà Lê Thị C);

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật về việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất cho bà Lê Thị C và hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Ngọc T⁶.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2023, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt có đơn kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

Ngày 11/9/2023, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng có đơn kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Bùi Bá T¹ thay đổi kháng cáo của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, không yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm mà yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C vì Dự án xây dựng khu dân cư số 5 – An Sơn là dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng chấp thuận trên cơ sở Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 27/5/2002 của Thủ tướng Chính phủ, thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất và thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 42 Luật đất đai năm 2003. Vào năm 2008, ông Nguyễn Ngọc T⁶ là chồng của bà C đã chuyển nhượng cho ông Lê T⁷, bà Trần Thị Đ diện tích 2.376 m² nên việc Bản án sơ thẩm và bà C cho rằng thu hồi thiếu diện tích là không đúng. Quá trình bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được thực hiện đúng theo phương án đã được phê duyệt, đúng quy định của pháp luật và quy định chung của Ủy ban nhân dân tỉnh; việc chuyển đổi nghề, bố trí tái sản xuất đã được hỗ trợ bằng việc hỗ trợ 70% đơn giá đất ở đối với 981,4 m² đất nông nghiệp cùng với thửa đất có nhà ở bị thu hồi, hỗ trợ 50% đơn giá đất ở đối với 357,7 m² đất nông nghiệp không cùng với thửa đất có nhà ở bị thu hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức. Về nội dung đề

ngợi chấp nhận các kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc S (*người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bà Lê Thị C*) có đơn ghi ngày 12/7/2024 xin hoãn phiên tòa. Lý do: Bận việc gia đình; Luật sư Nguyễn Thị Hạnh (*người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bà Lê Thị C*) có đơn ghi ngày 12/7/2024 xin hoãn phiên tòa. Lý do: bận tham gia phiên tòa tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt. Các lý do xin hoãn phiên tòa của ông S và luật sư Hạnh đều không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa phúc thẩm quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt đều có yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt; Người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Ngày 17/10/2022, bà Lê Thị C khởi kiện Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt trong thời hạn chưa quá một năm kể từ ngày ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện; Các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt gồm: Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 07/10/2010, Quyết định số 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 và Quyết định số 4250/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 đều là các quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện (Quyết định số 139 và Quyết định số 4143), nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại các điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính; đồng thời xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính có liên quan đến

quyết định hành chính bị kiện là đúng quy định tại khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục: Quyết định số 3605 và Quyết định số 4227 đều được ban hành đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 38, Điều 39, Điều 42, khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003 (Luật có hiệu lực pháp luật tại thời điểm ban hành quyết định hành chính bị kiện); Quyết định số 4250 được ban hành đúng theo quy định tại Điều 86 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 4143 và Quyết định số 139 được ban hành đúng theo quy định tại Điều 18, Điều 21, mục 2 và mục 3 Chương 3 Luật Khiếu nại năm 2011.

[4] Về nội dung:

[4.1] Dự án Khu Dân cư số 5 - An Sơn được Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng chấp thuận tại văn bản số 2695/UBND-NC ngày 18/4/2008, thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích lợi ích công cộng theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật đất đai năm 2003, nên việc bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 42 Luật đất đai năm 2003. Do đó, việc bà Lê Thị C cho rằng diện tích đất của gia đình bà bị thu hồi để giao cho Công ty Hợp Phú nhằm mục đích kinh doanh thu lợi nhuận và yêu cầu được thỏa thuận bồi thường với chủ đầu tư, là không có cơ sở.

[4.2] Ông Nguyễn Ngọc T⁶ (Chồng của bà Lê Thị C) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số: 651 (908 m²) + 685 (3.311 m²) + 686 (397 m²) + 688 (190 m²) + 689 (769 m²) = 5.575 m².

Ông Nguyễn Ngọc T⁶ còn được quy chủ sử dụng đất đối với các thửa đất số: 650 (2.376 m²) + 652 (828 m²) + 748 (4.220 m²) = 7.424 m².

Tổng cộng ông T⁶ được quy chủ sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 08 thửa đất với tổng diện tích là 12.999 m². Bà Lê Thị C trình bày toàn bộ số đất trên là của cha mẹ ông T⁶ chết để lại và gia đình đã thống nhất phân chia cho 09 anh chị em của ông T⁶ xong.

Thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư số 5, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt đã thu hồi đất của các anh chị em của ông T⁶ gồm: Nguyễn Ngọc T² (thu hồi 1.019 m²) + Nguyễn Ngọc T³ (thu hồi 1.016 m²) + Nguyễn Ngọc N (thu hồi 1.012 m²) + Nguyễn Ngọc T⁴ (thu hồi 1.017 m²) + Nguyễn Ngọc S (thu hồi 472,6 m²) + Nguyễn Ngọc D (thu hồi 2.037 m²) + Nguyễn Ngọc T⁵ (thu hồi 1.274,7 m²) + Nguyễn Thị Ngọc C¹ (thu hồi 1.135,8 m²) và Nguyễn Ngọc T⁶ (thu hồi 1.639,1 m²) = 10.623,3 m².

Quyết định số 3605 thu hồi đất của ông T⁶ (chồng bà C) diện tích 1.639,1 m² nên bà C cho rằng còn thiếu diện tích, vì tổng diện tích của cha mẹ để lại cho

các anh chị em của bà là 12.999 m², nhưng tổng diện tích các anh chị em của bà bị thu hồi chỉ có 10.623,3 m², là còn thiếu diện tích.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt trình bày và xuất trình chứng cứ chứng minh ngày 24/12/2008, ông Nguyễn Ngọc T⁶ đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lê T⁷, bà Trần Thị Đ toàn bộ Thửa đất số 650, diện tích 2.376 m² (đo đạc thực tế 2.714,1 m²), được chỉnh lý mặt 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 31/12/2008. Như vậy, tổng diện tích đất của anh chị em bà C bị thu hồi là 10.623,3 m² cộng với số đất vào năm 2008 ông T⁶ đã chuyển nhượng cho ông T⁷, bà Đ diện tích 2.376 m² bằng 12.999,3 m²; Nếu so với diện tích thực tế thu hồi của ông T⁷, bà Đ diện tích 2.714,1 m² thì tổng diện tích thu hồi là 13.337,4 m², là không thiếu diện tích như lời trình bày của bà C. Do đó, Bản án sơ thẩm xác định Quyết định số 3605 được ban hành khi chưa xem xét đến phần đất còn thiếu, là không có cơ sở.

[4.3] Căn cứ vào tình hình thực tế và trên cơ sở Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/10/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 15/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng Khu dân cư số 5 đường An Sơn, Phường 4, thành phố Đà Lạt, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng đã xây dựng và niêm yết Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu Dân cư số 5 – An Sơn.

Sau khi kết thúc niêm yết công khai hồ sơ, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng có Tờ trình số 648/TTr-PTQĐ ngày 15/10/2010 đề nghị thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu Dân cư số 5 – An Sơn. Phòng Tài nguyên và Môi Trường thành phố Đà Lạt có Tờ trình số 1014/TTr-TN&MT ngày 03/11/2010 đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu Dân cư số 5 – An Sơn. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định số 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất. Trong đó, hộ ông Nguyễn Ngọc T⁶ được bồi thường, hỗ trợ tổng cộng 1.428.019.000 đồng, bao gồm tiền bồi thường 300 m³ đất ở, 1.339 m² đất nông nghiệp; tiền hỗ trợ 70% đơn giá đất ở đối với 981,4 m² đất nông nghiệp cùng với thửa đất có nhà ở bị thu hồi, hỗ trợ 50% đơn giá đất ở đối với 357,7 m² đất nông nghiệp không cùng với thửa đất có nhà ở bị thu hồi; tiền cây trồng, vật kiến trúc

trên đất và các khoản hỗ trợ khác. Như vậy, việc bồi thường, hỗ trợ đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[4.4] Quyết định số 4250/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt phê duyệt danh sách bố trí tái định cư do thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư số 5 trên địa bàn Phường 4, thành phố Đà Lạt, trong đó, hộ ông Nguyễn Ngọc T⁶ (Lê Thị C) được bố trí 01 lô liên kế và 01 lô đất biệt lập là phù hợp theo quy định tại Điều 40, Điều 41 Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/10/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

Hộ ông Nguyễn Ngọc T⁶ chưa thống nhất nhận lô nền tái định cư, do đó, chưa có cơ sở để Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt ban hành quyết định giao đất tái định cư cụ thể cho hộ ông T⁶.

[4.5] Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng đã mời các hộ dân nhận tiền bồi thường, hỗ trợ (trong đó có hộ ông Nguyễn Ngọc T⁶) theo Giấy mời số 116/GM-PTQĐ ngày 15/4/2011; Giấy mời số 118/GM-PTQĐ ngày 18/4/2011; Giấy mời số 131/GM-PTQĐ ngày 27/4/2011; Giấy mời số 171/GM-PTQĐ ngày 24/5/2011; Giấy mời số 263/GM-PTQĐ ngày 22/7/2011; Giấy mời số 271/GM-PTQĐ ngày 27/7/2011, nhưng hộ ông Nguyễn Ngọc T⁶ không đến nhận tiền. Do đó, trong các ngày 25/7/2013, ngày 26/7/2013 và ngày 29/7/2013 Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường và Phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng đã chuyển toàn bộ tiền bồi thường, hỗ trợ vào Kho bạc Nhà nước tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, có căn cứ để xác định cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường không chậm trễ trong việc bồi thường.

[4.6] Như đã phân tích trên, việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Ngọc T⁶ (Lê Thị C) đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Do đó, Quyết định số 139 và Quyết định số 4143 đều có nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà Lê Thị C là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ các phân tích trên, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Do không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà Lê Thị C phải chịu chi phí tố tụng là 830.000 đồng và bà đã nộp xong.

[7] Án phí:

[7.1] Án phí hành chính sơ thẩm được xác định lại như sau:

Do không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, nhưng do bà Lê Thị C là người cao tuổi nên được miễn.

Người bị kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm;

[7.2] Án phí hành chính phúc thẩm:

Do được chấp nhận kháng cáo nên Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và được hoàn trả tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2023/HC-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà Lê Thị C về việc yêu cầu hủy các quyết định sau đây:

- Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để xây dựng khu dân cư số 5, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;

- Quyết định số 4227/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất để triển khai Dự án: Khu dân cư số 5 (đợt 1) trên địa bàn Phường 4, thành phố Đà Lạt;

- Một phần Quyết định số 4250/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt về việc phê duyệt danh sách bố trí tái định cư do thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu dân cư số 5 trên địa bàn Phường 4, thành phố Đà Lạt;

- Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị C (*lần đầu*);

- Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết đơn của bà Lê Thị C (*lần hai*);

3. Bà Lê Thị C được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đều không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và được hoàn trả mỗi người 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014991, Biên lai thu số 0014990 cùng ngày 19/9/2023 và Biên lai thu số 0014997 ngày 21/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN (24b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công